

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 109/2025/DS-ST

Ngày: 14/8/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
thế chấp”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ, bà Nguyễn Thị Quế Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2025 và 14/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2024/TLST-DS ngày 29/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2025/QĐXXST-DS ngày 07/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V)

Địa chỉ: Tòa nhà V, số 89, đường L, phường L, quận Đ (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội.

Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng: Công ty cổ phần M J (Công ty J). Địa chỉ: tầng 4, tòa nhà C, số 219 phố T, phường Y, quận C (nay là phường Y), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Lê Phúc L – trưởng bộ phận xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Ce, số 219, phố T, phường Y, quận C (nay là phường Y), thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T và ông Đặng Văn Nh – chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 4, V S, S LK1-10, tòa nhà T, khối Y, phường H, thành phố V (nay là phường V), tỉnh Nghệ An. Đều có mặt.

Bị đơn: Anh Đào Công A, sinh năm 1991. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm T, xã X, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở nước ngoài. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* chị Nguyễn Huyền Th, sinh năm 1993. Địa chỉ: xóm T, xã X, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở nước ngoài. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Theo Hợp đồng cho vay số LN2206156001590 ngày 12/7/2022 và các văn kiện tín dụng kèm theo, anh Đào Công A vay của Ngân hàng V tổng số tiền là 405.000.000 đồng (Bốn trăm linh năm triệu đồng). Cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số LN2206156001590 ngày 12/7/2022; số tiền vay: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng); thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Sau khoảng thời gian như quy định, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V.com.vn) có thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kèm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/7/2022; số tiền vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V.com.vn). Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT, 1.4L, AT, số khung: RLUAC41BBNN079228; số máy: G4LCNG004823; BKS: 37A-xxx.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37000xxx do Công an huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/6/2022 mang tên anh Đào Công A. Xác lập thế chấp tại V theo hợp đồng thế chấp số LN2206156001590 ngày 12/7/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đào Công A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/12/2023 nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 30/6/2024, V đã bán một phần khoản nợ (cụ thể bán cho Công ty J 90% và bên phía Ngân hàng TMCP V còn giữ lại 10%) của anh Đào Công A cho Công ty J theo các Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB- J và số 08/2024/VPB- J cùng ngày 30/6/2024 và các phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V) và Công ty J thì V đồng ý bán 90% các khoản vay và J đồng ý mua 90% các khoản vay; 100% khoản thẻ của khách hàng Đào Công A, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà anh Đào Công A đã ký kết với V. Theo đó V đã chuyển một phần quyền sở hữu, quyền, quyền lợi, lợi ích của V đối với khoản nợ này cho J, J được thừa kế một phần quyền, nghĩa vụ của V tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản nợ.

Tạm tính đến ngày 14/8/2025, anh Đào Công A đã thanh toán được tổng số tiền 126.420.174 đồng, trong đó: trả gốc 74.339.536 đồng, trả lãi 52.080.638 đồng.

Dư nợ của khách hàng tạm tính đến ngày 14/8/2025 là: Nợ gốc 315.660.464 đồng; Nợ lãi 131.198.510 đồng; Tổng cộng 446.858.974 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP V và Công ty MBN J yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc anh Đào Công A phải thanh toán cho J và V toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 14/8/2025 là 446.858.974 đồng (Bao gồm: Nợ gốc 315.660.464 đồng; Lãi trong hạn 8.286.709 đồng; Lãi quá hạn 116.368.626 đồng; Lãi chậm trả lãi 6.543.175 đồng). Trong đó:

Nợ tại Công ty J là 402.173.077 đồng (bao gồm: Nợ gốc 284.094.418 đồng; Lãi trong hạn 7.458.038 đồng; Lãi quá hạn 104.731.763 đồng; Lãi chậm trả lãi 5.888.858 đồng).

Nợ tại Ngân hàng V là 44.685.897 đồng (bao gồm: Nợ gốc 31.566.046 đồng; Lãi trong hạn 828.671 đồng; Lãi quá hạn 11.636.863 đồng; Lãi chậm trả lãi 654.317 đồng).

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày anh Đào Công A thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty J và V. Lãi phát sinh phải trả cho J và V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trường hợp anh Đào Công A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V thì J và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan Thi

hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho J và/hoặc V, cụ thể: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT, 1.4L, AT, số khung: RLUAC41BBNN079228; số máy: G4LCNG004823; BKS: 37A-xxx.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37000xxx do Công an huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/6/2022 mang tên anh Đào Công A. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản đảm bảo sẽ được thanh toán cho J/V theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, J và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty MBN J rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ thẻ 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh của khoản nợ thẻ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/7/2022 (gọi tắt 285-P-7614865).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đều vắng mặt. Theo kết quả xác minh tại Công an xã X, huyện Y thì anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã X, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên hiện nay, anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đều không có mặt tại địa phương. Căn cứ Công văn số 3816/XNC(Đ1) ngày 13/9/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Nghệ An thì anh Đào Công A đã xuất cảnh ngày 05/10/2023 và chị Nguyễn Huyền Th đã xuất cảnh ngày 01/10/2024 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Qua xác minh tại mẹ đẻ của anh Đào Công A là bà Lăng Thị Th1 thì anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đều đang ở nước ngoài và thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Công A và chị Huyền Th ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Bà Th1 cam kết sẽ thông báo cho anh Công A, chị Huyền Th biết việc Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu anh Công A trả nợ tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử... cho bà Lăng Thị Th1 (mẹ đẻ anh Đào Công A) nhưng bà Th1 không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Đào Công A, chị Nguyễn Huyền Th và trụ sở UBND xã X, huyện Y (nay là UBND xã Q), tỉnh Nghệ An nhưng anh Công A, chị Th vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ

luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty MBN J buộc anh Đào Công A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền 44.685.897 đồng (bao gồm: Nợ gốc 31.566.046 đồng; Lãi trong hạn 828.671 đồng; Lãi quá hạn 11.636.863 đồng; Lãi chậm trả lãi 654.317 đồng); trả nợ cho Công ty MBN J số tiền 402.173.077 đồng (bao gồm: Nợ gốc 284.094.418 đồng; Lãi trong hạn 7.458.038 đồng; Lãi quá hạn 104.731.763 đồng; Lãi chậm trả lãi 5.888.858 đồng). Tổng cộng số tiền phải trả cho V và Công ty J là 446.858.974 đồng (Bao gồm: Nợ gốc 315.660.464 đồng; Lãi trong hạn 8.286.709 đồng; Lãi quá hạn 116.368.626 đồng; Lãi chậm trả lãi 6.543.175 đồng) theo Hợp đồng cho vay số LN2206156001590 ngày 12/7/2022. Trường hợp anh Đào Công A không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP V và Công ty MBN J có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ thặng 15.000.000 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Đào Công A trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên, trong trường hợp không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm của anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th theo quy định của pháp luật. Anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th có địa chỉ cư trú tại xóm T, xã X, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Căn cứ Công văn số 3816/XNC(Đ1) ngày 13/9/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Nghệ An thì anh Đào Công A đã xuất cảnh ngày 05/10/2023 và chị Nguyễn Huyền Th đã xuất cảnh ngày 01/10/2024 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp*” là có căn theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Đào Công A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Huyền Th: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đào Công A, chị Nguyễn Huyền Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tại thời điểm ký kết hợp đồng anh Đào Công A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã X, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An và hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây nhưng đã xuất cảnh đi nước ngoài từ năm 2023, không có mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nên được xác định là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty MBN J, thấy rằng:

[3.1]. Về nợ gốc: Căn cứ vào ý kiến trình bày của Ngân hàng và Công ty MBN J và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 12/7/2022, anh Đào Công A đã ký Hợp đồng cho vay số LN2206156001590 với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Nghệ An – Phòng Giao dịch Bến Thủy để vay số tiền 390.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, tại thời điểm ký kết các bên đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật đối với các bên đã ký kết. Ngày 12/7/2022, anh Đào Công A đã nhận đủ số tiền vay 390.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Đào Công A đã trả được cho Ngân hàng 74.339.536 đồng nợ gốc và 52.080.638 đồng tiền lãi, tổng là 126.420.174 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng. Theo quy định tại mục 6 Điều 1 Hợp đồng cho vay thì anh Đào Công A phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo định kỳ vào ngày 05 hàng tháng; kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/8/2022, số tiền nợ gốc anh Đào Công A phải trả mỗi kỳ là 4.645.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 4.465.000 đồng. Anh Đào Công A đã trả nợ gốc và lãi hàng tháng đến ngày 31/12/2023, sang kỳ trả nợ gốc ngày 05/01/2024 anh Đào Công A không trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản nợ còn lại 315.660.464 đồng của anh Đào Công A đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Đào Công A phải trả nợ số tiền gốc 315.660.464 đồng là có căn cứ. Ngày 30/6/2024, Ngân hàng TMCP V (V) đã bán một phần khoản nợ (cụ thể bán cho Công ty J 90% và bên phía Ngân hàng TMCP V còn giữ lại 10%) của anh Đào Công A cho Công ty J theo các Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-J và số 08/2024/VPB-J cùng ngày 30/6/2024 và các phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V) và Công ty J, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà anh Đào Công A đã

ký kết với V. Do đó, cần buộc anh Đào Công A phải trả cho Ngân hàng V và Công ty J số tiền gốc 315.660.464 đồng, trong đó trả cho Ngân hàng V 31.566.046 đồng; trả cho Công ty J 284.094.418 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về lãi suất: Theo quy định tại mục 7 Điều 1 Hợp đồng cho vay số LN2206156001590 ngày 12/7/2022 các bên đã ký kết thì lãi suất vay là 9.3%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Sau khoảng thời gian như quy định, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V.com.vn) có thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.6%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Như vậy, lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay là đúng quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Lãi suất đã được Ngân hàng và Công ty J tính toán cụ thể chi tiết tại bảng kê tính lãi đến ngày tuyên án sơ thẩm 14/8/2025 như sau: Nợ lãi trong hạn 60.367.347 đồng; Nợ lãi quá hạn 116.368.626 đồng, Lãi chậm trả lãi: 6.543.175 đồng; tổng cộng 183.279.148 đồng. Quá trình vay vốn, anh Đào Công A đã trả cho Ngân hàng được 52.080.638 đồng tiền lãi. Số tiền lãi chưa trả còn lại: Lãi trong hạn 8.286.709 đồng; Lãi quá hạn 116.368.626 đồng; Lãi chậm trả lãi 6.543.175 đồng; tổng cộng 131.198.510 đồng. Việc tính toán trên phù hợp với nội dung các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và Công ty J. Vì vậy, buộc anh Đào Công A phải trả cho Ngân hàng và Công ty J số tiền lãi nêu trên; trong đó: Trả cho Công ty J là: 118.078.659 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn 7.458.038 đồng, Lãi quá hạn 104.731.763 đồng, Lãi chậm trả lãi 5.888.858 đồng); Trả nợ cho Ngân hàng V là 13.119.851 đồng tiền lãi (bao gồm: Lãi trong hạn 828.671 đồng, Lãi quá hạn 11.636.863 đồng, Lãi chậm trả lãi 654.317 đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà anh Đào Công A phải trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty J là 446.858.974 đồng (Bao gồm: Nợ gốc 315.660.464 đồng, lãi trong hạn 8.286.709 đồng, lãi quá hạn: 116.368.626 đồng, lãi chậm trả lãi 6.543.175 đồng). Trong đó: Trả nợ cho Công ty J là 402.173.077 đồng (bao gồm: Nợ gốc 284.094.418 đồng, lãi trong hạn 7.458.038 đồng, lãi quá hạn

104.731.763 đồng, lãi chậm trả lãi 5.888.858 đồng); Trả nợ cho Ngân hàng V là 44.685.897 đồng (bao gồm: Nợ gốc 31.566.046 đồng, lãi trong hạn 828.671 đồng, lãi quá hạn 11.636.863 đồng, lãi chậm trả lãi 654.317 đồng).

[3.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, thấy rằng: Để bảo đảm cho khoản vay, anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, màu đen, BKS: 37K-0xx.xx được Công an huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 3700xxx ngày 22/6/2022 mang tên Đào Công A cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số LN2206156001590 ngày 12/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Nghệ An – Phòng Giao dịch Bến Thủy với anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th. Xét thấy, Anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th là vợ chồng. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 37K-0xx.xx được anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th mua trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung vợ chồng. Như vậy việc thế chấp tài sản của anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th là trên cơ sở tự nguyện. Hợp đồng thế chấp sau khi ký kết đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Thành An, địa chỉ: số 55, đường Lý Tự Trọng, phường Lê Lợi, thành phố Vinh (nay phường Thành Vinh), tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp này đã đảm bảo theo đúng các trình tự, thủ tục quy định tại Điều 317, 319 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên ký kết. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V và Công ty J: Trong trường hợp anh Đào Công A không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng và Công ty J có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đều vắng mặt, Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ chiếc xe ô tô HYUNDAI, BKS: 37K-0xx.xx nhưng không xác định được chiếc xe hiện nay đang ở đâu, hiện do ai quản lý. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận hiện nay do anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đang vắng mặt tại địa phương nên chưa xác định được tài sản anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th đang để ở đâu. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là khi nào tìm thấy tài sản thì Ngân hàng và Công ty J có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp anh Đào Công A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được thanh toán cho Công ty J và V theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì anh Đào Công A phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty J và V.

[4] Đối với khoản nợ thẻ 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh của khoản nợ thẻ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/7/2022 (gọi tắt 285-P-7614865). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện này nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Đối với yêu cầu: Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, J và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của anh Đào Công A và chị Nguyễn Huyền Th để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Đào Công A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 244, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 292, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty J.

- Buộc anh Đào Công A có nghĩa vụ trả nợ trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty J tính đến ngày 14/8/2025 số tiền 446.858.974 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn, chín trăm bảy tư đồng*); bao gồm: Nợ gốc 315.660.464 đồng, lãi trong hạn 8.286.709 đồng, lãi quá hạn 116.368.626 đồng, lãi chậm trả lãi 6.543.175 đồng. Trong đó:

+ Trả nợ cho Công ty J 402.173.077 đồng (*Bốn trăm linh hai ngàn, một trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm bảy bảy đồng*); bao gồm: Nợ gốc 284.094.418 đồng, lãi trong hạn 7.458.038 đồng, lãi quá hạn 104.731.763 đồng, lãi chậm trả lãi 5.888.858 đồng.

+ Trả nợ cho Ngân hàng V 44.685.897 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, tám trăm chín bảy đồng*); bao gồm: Nợ gốc 31.566.046

đồng, lãi trong hạn 828.671 đồng, lãi quá hạn 11.636.863 đồng, lãi chậm trả lãi 654.317 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (14/8/2025), anh Đào Công A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay và Công ty J theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trong trường hợp anh Đào Công A không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ, Ngân hàng TMCP V và Công ty J phát hiện ra tài sản thế chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, màu đen, BKS: 37K-0xx.xx; số khung: RLUAC41BBNN079228; số máy: G4LCNG004823 được Công an huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 3700xxx ngày 22/6/2022 mang tên Đào Công A theo Hợp đồng thế chấp số LN2206156001590 ngày 12/7/2022 công chứng ngày 12/7/2022 tại Văn phòng công chứng Thành An số công chứng 5879, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Đào Công A đối với Ngân hàng TMCP V và Công ty J. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Đào Công A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty J.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với khoản nợ thẻ số tiền 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh của khoản nợ thẻ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/7/2022 (gọi tắt 285-P-7614865).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Anh Đào Công A phải chịu 21.874.358 đồng (*Hai mươi một triệu, tám trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm năm tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 8.642.000 đồng (*Tám triệu, sáu trăm bốn hai ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6), tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002758 ngày 15/4/2024.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đào Công A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Huyền Th có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án Dân sự t.Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 6
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Từ

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Bá Võ

Nguyễn Thị Quế Anh

Nguyễn Thị Thu Từ